TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **64**/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 04 - 7 - 2024.
Về việc tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hiệp.

Ông Đặng Hoàng Mích.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 114/2024/QĐST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Chung Kim H,** sinh ngày 20/6/1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* **Ông Bồ Thạch L,** sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 22/02/2024, bản tự khai ngày 11/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Chung Kim H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông L tự quen biết tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm, sau đó hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới

nhau từ năm 1980 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thuận vào năm 2002. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc nhưng khoảng từ năm 1982 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L thường nhậu say về đánh đập bà, vợ chồng không có tiếng nói chung, vì con bà đã sống chịu đựng gần 40 chục năm, nhưng từ tháng 12/2023 ông L vẫn không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể sống chung với nhau được nữa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu ly hôn với ông L.

- *Về nuôi con chung:* Có 03 con chung tên Bồ Kim K, sinh ngày 12/11/1980, Bồ Kim T1, sinh ngày 11/10/1982 và Bồ Kim T, sinh ngày 06/11/1983. Hiện tại các con đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

* Đối với ông Bồ Thạch L là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng ông đều vắng mặt, mặc dù ông vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bồ Thạch L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông L là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông L sống chung với nhau từ năm 1980 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thuận vào năm 2002 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L được công nhận hợp pháp.

Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông L vắng mặt nên không có lời khai. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bà H, đã xác định được cuộc sống vợ chồng của ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L thường nhậu say về đánh đập bà, vợ chồng không có tiếng nói chung, vì con bà đã sống chịu đựng nhưng ông L vẫn không thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể sống chung với nhau được nữa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay.

Hơn nữa, Toà án đã tiến hành mời bà H và ông L để hoà giải, nhằm cho các

bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông L vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy ông L đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này.

Qua đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa bà H và ông L đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của ông và bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về nuôi con chung:* Có 03 con chung tên Bồ Kim K, sinh ngày 12/11/1980, Bồ Kim T1, sinh ngày 11/10/1982 và Bồ Kim T, sinh ngày 06/11/1983. Hiện tại các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. *Về tài sản chung:* Bà H khai tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. *Về nợ chung:* Bà H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Chung Kim H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Chung Kim H đối với ông Bồ Thạch L.

Cho ly hôn giữa bà Chung Kim H và ông Bồ Thạch L.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Chung Kim H và ông Bồ Thạch L chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Bà Chung Kim H và ông Bồ Thạch L Có 03 con chung tên:

1. Bồ Kim K, sinh ngày 12/11/1980.

2. Bồ Kim T1, sinh ngày 11/10/1982.

3. Bồ Kim T, sinh ngày 06/11/1983.

Ba con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Bà H khai tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Bà H khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Chung Kim H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003365 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, bà Chung Kim H đã nộp đủ án phí.

Bà Chung Kim H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Bồ Thạch L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Lộc Thuận (Số 264, ngày 31/12/2002);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên